

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 95/2025/HS-PT

Ngày: 18 - 8 - 2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyệt H - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần là trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (cơ sở 2) mở phiên tòa trực tuyến xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 456/2025/TLPT-HS ngày 02 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo Đồng Văn H1, Nguyễn Hữu B, Nguyễn Thị L và Lê Thanh S. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2025/HS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai).

- Bị cáo kháng cáo:

1. Đồng Văn H1; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh năm 1996 tại Bình Phước; nơi đăng ký HKTT: thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là thôn P, xã P, tỉnh Đồng Nai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: không; con ông Đồng Văn H2, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1978; bị can có 01 người em sinh năm 2002; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: không

Tiền án: 03

Ngày 16/01/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù tại Bản án số 04/2015/HSST về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo

đã chấp hành nghĩa vụ án phí và chấp hành xong hình phạt ngày 19/9/2015 (BL895), chưa được xóa án tích.

Ngày 05/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù tại Bản án số 86/2016/HSST về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chấp hành xong hình phạt ngày 04/9/2017 (BL897), chấp hành xong nghĩa vụ án phí và nghĩa vụ khác của bản án ngày 17/4/2018 (BL 892), chưa được xóa án tích.

Ngày 20/02/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 07 năm tù tại Bản án số 06/2019/HSST về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong nghĩa vụ án phí ngày 02/5/2019 và nghĩa vụ khác của bản án ngày 01/7/2019, chấp hành xong hình phạt ngày 16/9/2023, (BL 894, 896) chưa được xóa án tích.

Ngày 20/6/2024, bị bắt quả tang về hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, ngày 28/6/2024 bị khởi tố áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 28/6/2024 cho đến nay (có mặt tại điểm cầu thành phần)

2. Nguyễn Hữu B; tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh năm 1993, tại Bình Phước; nơi đăng ký HKTT: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai); nơi ở: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị M (đã chết); bị cáo có 01 người anh sinh năm 1987 và 01 người chị sinh năm 1989, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình, bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: không

Tiền sự: 02

Ngày 14/02/2022 bị Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số 84/QĐ-XPHC ngày 14/02/2022, chưa chấp hành

Ngày 10/3/2022 bị TAND huyện Đồng Phú áp dụng biện pháp hành chính bắt buộc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 10/2022/QĐ-CA, chấp hành xong ngày 29/01/2024 (BL67).

Nhân thân:

Ngày 28/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tại Bản án số 28/2011/HSST về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa chấp hành xong hình phạt

Ngày 29/10/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù, tổng hợp 12 tháng tù cho hưởng án treo của bản án 28/2011/HSST ngày 28/11/2011 bằng 21 tháng tù giam tại Bản án số 136/2012/HSST về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 03/12/2012, chấp hành xong nghĩa vụ án phí ngày 03/01/2025 (BL970), chưa chấp hành nghĩa vụ bồi thường theo bản án;

Ngày 31/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xử phạt 04 năm tù theo bản án số 40/2016/HSST về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 05/12/2018, chấp hành xong nghĩa vụ án phí ngày 08/11/2016 (BL 975).

Ngày 20/6/2024, bị bắt quả tang về hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, đến ngày 28/6/2024, bị khởi tố, áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 28/6/2024 cho đến nay (có mặt tại điểm cầu thành phần)

3. Nguyễn Thị L; tên gọi khác: không; giới tính: Nữ; sinh năm 1997, tại Bình Phước; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là thôn T, xã P, tỉnh Đồng Nai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1968 và bà Đào Thị H3, sinh năm 1973; bị cáo có 01 người em sinh năm 2000, bị cáo là chị cả trong gia đình, bị cáo chưa có chồng; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không

Ngày 20/6/2024, bị bắt khẩn cấp về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” đến ngày 28/6/2024, bị khởi tố, áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay (có mặt tại điểm cầu thành phần).

4. Lê Thanh S; tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh năm 1990, tại Bình Phước; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông Lê Văn N, sinh năm 1959 và bà Hà Thị Kim L1, sinh năm 1960; bị cáo có 01 người chị sinh năm 1983, bị can là con nhỏ nhất trong gia đình, bị can chưa có vợ con; tiền sự: Không

Tiền án: 03

Ngày 13/8/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 37/2008/HSST

Ngày 24/5/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy tại Bản án số 70/2011/HSPT.

Ngày 29/05/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xử phạt 05 năm tù về tội trốn khỏi nơi giam giữ tại Bản án số 34/2012/HSST. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 14 năm tù.

Ngày 27/6/2024, bị bắt khẩn cấp về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến ngày 03/7/2024 bị khởi tố, áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay (có mặt tại điểm cầu thành phần)

- Người bào chữa cho bị cáo Đồng Văn H1 do Tòa án chỉ định: Luật sư Nguyễn Thị B2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu B do Tòa án chỉ định: Luật sư Nguyễn Trọng N1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4 năm 2024, Đồng Văn H1 thông qua mạng xã hội Facebook quen biết và được một người đàn ông (không rõ nhân thân) trên ứng dụng mạng xã hội Facebook có tài khoản tên “Lucifer N2” hướng dẫn H1 kiếm tiền bằng cách làm bột ca cao giả thì H1 đồng ý. “Lucifer N2” hướng dẫn H1 cài đặt và tạo tài khoản Telegram để liên lạc, trao đổi công việc. Sau đó, “Lucifer N2” chuyển tiền cho H1 và hướng dẫn mua bột bắp về đóng gói giả làm bột ca cao rồi chuyển đi cho khách mua hàng.

Sau một thời gian (H1 không nhớ rõ ngày, tháng) Lucifer N2 và H1 thỏa thuận và thống nhất: Lucifer Nguyễn cất giấu ma túy gồm ma túy loại nước vui, K và thuốc lắc tại một địa điểm không cố định, sau đó chụp hình và gửi vị trí cất giấu ma túy qua T1 cho H1 đến lấy ma túy mang về nhà bị cáo tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước cất giấu. Người mua ma túy trực tiếp liên hệ với Lucifer N2 để thống nhất về số lượng, loại ma túy cần mua và cung cấp thông tin để nhận ma túy. Sau đó L2 Nguyễn chuyển thông tin trên cho H1. H1 có nhiệm vụ kiểm đếm số lượng ma túy theo yêu cầu của Lucifer N2, giấu ma túy vào bên trong hộp bột ca cao, đóng gói; đồng thời sử dụng số điện thoại 0922070347 thực hiện tạo đơn với Công ty TNHH G trên ứng dụng “GHN” theo thông tin “Lucifer Nguyễn” gửi, rồi mang xuống gửi tại Bưu cục 733 và Công ty C2 (gọi tắt J) thuộc thành phố T, tỉnh Bình Dương để đơn vị trên vận chuyển trực tiếp cho người mua. Sau mỗi lần thực hiện thành công, H1 được “Lucifer Nguyễn” trả công từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) từ tài khoản số 00002411209 tên Phạm Thanh P (sinh ngày 21 tháng 5 năm 2002, HKTT xóm F, thôn Đ, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội) mở tại Ngân hàng T6 vào tài khoản số 959736688 tên Đồng Văn H1 mở tại Ngân hàng M1. Lúc đầu H1 trực tiếp đóng gói và mang ma túy đi gửi. Tổng số tiền công mà H1 đã nhận của P tổng cộng theo sao kê của ngân hàng là 12 lần với số tiền 172.000.000 đồng

Đầu tháng 05 năm 2024 Nguyễn Hữu B, sinh năm 1993, HKTT: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước là bạn của H1 mới đi cai nghiện bắt buộc về địa phương, do chưa có việc làm và không có nơi ở nên B đề nghị và được H1 cho về ở cùng H1 tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tại đây, H1 nói chuyện và nhờ B mang các gói hàng bên trong có chứa ma túy đi thành phố T, tỉnh Bình Dương gửi tại Công ty giao hàng nhanh, H1 trả công cho B bằng hình thức cho B ma túy để sử dụng và cho B ăn, ở tại nhà H1; thì B đồng ý.

Cuối tháng 5/2024, bạn gái của H1 tên Nguyễn Thị L, sinh năm: 1997, HKTT: thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước đến chơi và ở lại nhà H1 tại tổ

H, thôn P, xã P, huyện P, Bình Phước; đến ngày 01/6/2024 thì về lại nhà tại thôn T, xã B, huyện P. Trước khi về, L thấy H1 có nhiều ba lô treo trên tường trong phòng ngủ của H1 thì L lấy 01 ba lô màu đỏ xuống rồi hỏi xin H1 và được H1 đồng ý. L lấy quần áo đã mặc để vào trong ba lô thì thấy trong ba lô có 01(một) túi nylon chứa ma túy đá và xin H1 để sử dụng thì H1 đồng ý, L mang ba lô có chứa ma túy về nhà tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (nhà bố mẹ ruột của L) L cất trên nóc tủ quần áo trong phòng ngủ của L. Sau đó L đã trích ra một phần ma túy đem xuống nhà L mới thuê tại thôn P, xã P với mục đích để sử dụng. Ngày 17/6/2024, bạn của L tên Bùi Thị Ngọc T2, sinh năm: 1983, HKTT: khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh liên hệ L hỏi có việc gì làm không giới thiệu cho T2, L nói T2 qua nhà L thuê ở P rồi L sẽ tìm việc làm giúp T2. Nghe L nói vậy thì T2 đồng ý và đón xe qua nhà thuê của L ở thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Đến tối cùng ngày, H1 đến và mang theo một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, trong nỏ thủy tinh có sẵn ma túy đá rồi T2, L và H1 cùng sử dụng hết. L lấy số ma túy mang từ nhà tại thôn T, xã B xuống đưa cho T2 đổ vào nỏ thủy tinh để sử dụng tiếp, sau khi sử dụng xong thì L cất bộ dụng cụ xuống gầm giường trong phòng ngủ và trong nỏ thủy tinh vẫn còn ma túy. Đến tối ngày 19/6/2024, T2 lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy trên ra đốt sử dụng, sau đó đến H4, L. Khi hết số ma túy trong nỏ thủy tinh thì H1 đưa cho L một gói nylon bên trong có ma túy đá, khi này L để gói nylon ma túy xuống nền nhà và nói T2 lấy ma túy đổ vào nỏ thủy tinh để T2, L và H1 sử dụng tiếp. Sau khi sử dụng ma túy xong thì H1 cất bộ dụng cụ sử dụng cạnh đầu giường trong phòng ngủ rồi đi ngủ, lúc này trong nỏ thủy tinh vẫn còn ma túy.

Đến sáng ngày 20/6/2024, H1 chở B đến nhà L thuê để làm cỏ. Khoảng 09 giờ cùng ngày “Lucifer Nguyễn” yêu cầu H1 đến khu vực sau Nghĩa trang công nhân của Công ty C3 thuộc xã B, huyện P lấy ma túy loại thuốc lắc và ma túy loại nước vui mang về nhà H1 cất giấu. H1 đồng ý rồi điều khiển xe mô tô biển số 93P2-310.13 của H1 đi theo vị trí mà Lucifer Nguyễn gửi qua ứng dụng Telegarm đến khu vực sau Nghĩa trang công nhân của Công ty C3 thuộc xã B, huyện P, thấy một bao xác rắn (loại bao đựng gạo) màu xanh, H1 mở bao ra kiểm tra bên trong có 100 (một trăm) gói ma túy loại nước vui, rồi mang số ma túy trên về nhà H1 ở thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Trong thời gian H1 đi lấy ma túy theo yêu cầu của Lucifer N2, L, B và T2 tiếp tục dọn cỏ tại nhà L thuê, L dọn dẹp trong nhà, B và T2 làm cỏ phía sau nhà. Trong lúc dọn dẹp nhà, L lấy một chai nhựa có nắp màu hồng (loại chai đựng cốm trẻ em) ở trước nhà mang đi rửa sạch, đưa cho B đục lỗ trên nắp chai rồi gắn ống hút và nỏ thủy tinh bên trong nỏ thủy tinh có sẵn ma túy đá của buổi tối ngày 19/6/2024 H1, L chưa sử dụng hết. Lúc này, B dùng bật lửa đốt nóng ma túy cho L hút 02 hai lần, rồi B đốt cho T2 hút, sau đó L và T2 tự sử dụng ma túy. Trong lúc đang sử dụng ma túy thì H1 quay lại chở B đi về nhà H1 tại thôn P, xã P; T mang bộ dụng cụ còn ma túy đá vào trong phòng ngủ của L rồi cả hai tiếp tục sử dụng.

Khi H1 chở B về đến nhà H1 tại thôn P, xã P thì H1 nói B vào phòng ngủ cùng với H1, B lấy ra 03 (ba) hộp nhựa, trong đó: 02 hộp nhựa màu trắng -vàng - đỏ hình trụ tròn đường kính 11,5 cm, chiều cao 19,2 cm bên ngoài hộp có chữ “Cacao nguyên chất *Thượng hạng*”; 01 hộp kim loại màu vàng đồng kích thước (5,9 x 4,0 x 1,2) cm. Còn H1 phân chia 100 một trăm) gói ma túy vừa lấy về thành 02 phần rồi cất giấu ma túy vào trong các hộp do B lấy ra. Cụ thể:

- Phần thứ nhất 44 (bốn mươi bốn) gói ma túy nước vui có màu trắng – hồng – đen, kích thước mỗi gói (6,3 x 8,6) cm, mặt phía trước in hình đầu con vật, mặt phía sau có chữ “Tên sản phẩm: KEO PINKPAN CANDY”, để vào trong 02 (hai) túi nylon dạng túi Zip kích thước (17,5 x 22,0) cm được lồng vào nhau, rồi giấu vào phía dưới, bên trong hộp nhựa màu trắng - vàng - đỏ hình trụ tròn đường kính 11,5 cm, chiều cao 19,2 cm bên ngoài hộp có chữ “Cacao nguyên chất *Thượng hạng*”, phủ một lớp chất bột màu vàng lên phía trên rồi đóng nắp hộp;

- Phần thứ hai 56 (năm mươi sáu) gói ma túy nước vui có màu trắng – hồng – đen kích thước mỗi gói (6,3 x 8,6) cm, mặt phía trước in hình đầu con vật, mặt phía sau có chữ “Tên sản phẩm: KEO PINKPAN CANDY”, để vào trong 02 (hai) túi nylon dạng túi Zip kích thước (12,0 x 18,4) cm được lồng vào nhau, rồi giấu vào phía dưới, bên trong hộp nhựa màu trắng – vàng - đỏ hình trụ tròn đường kính 9,0 cm, chiều cao 14,5 cm bên ngoài có chữ “Cacao nguyên chất *Thượng hạng*”, phủ một lớp chất bột màu vàng lên phía trên rồi đóng nắp hộp.

H1 tiếp tục giấu hai hộp có chứa ma túy trên vào trong vào hộp giấy carton kích thước (14,5 x 39,4 x 13) cm; dùng băng keo dán bên ngoài hộp, rồi dùng bút lông mực màu đỏ ghi chữ “1237 H, Phường E, Quận T. 0776173437.. Ngọc L3”.

H1 lấy tiếp 01(một) gói ma túy nước vui có màu trắng – hồng – đen kích thước (6,3 x 8,6) cm, có mặt phía trước in hình đầu con vật, mặt phía sau có chữ “Tên sản phẩm: KEO PINKPAN CANDY” và 01(một) gói ma túy dạng nước vui có màu cam – trắng – xanh kích thước (6,3 x 6,3) cm có chữ “CAMELLIA”, để vào trong 02 (hai) túi nylon dạng túi Zip kích thước (12,0 x 18,4) cm lồng vào nhau, rồi giấu vào phía dưới, bên trong hộp 01 hộp nhựa màu trắng – vàng - đỏ hình trụ tròn đường kính 9,0 cm, chiều cao 14,5 cm bên ngoài có chữ “Cacao nguyên chất *Thượng hạng*”, phủ một lớp chất bột màu vàng lên phía trên, đóng nắp hộp, rồi để hộp chứa ma túy trên vào trong hộp giấy carton kích thước (12,2 x 14,7 x 10,0) cm, dùng băng keo dán bên ngoài hộp, rồi dùng bút lông mực màu đỏ ghi chữ “G1. 0523244367”.

Đóng gói xong, H1 để số ma túy trên vào túi nylon màu đen dạng hai quai xách đưa cho B đón xe khách biển số 93B-005.69 của chị Phạm Thị T3, sinh năm: 1969, HKTT: ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, đi xuống thành phố T, tỉnh Bình Dương gửi “hàng” tại Bru cục 733 và J. H1 đưa cho B 600.000 đồng để trả tiền xe, tiền gửi hàng và 02(hai) bơm kim tiêm đựng dung dịch trong suốt là heroin đã hoà nước sẵn để B sử dụng.

Khi xe ô tô trên lưu thông đến khu vực trạm xăng trên đường Đ thuộc khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước thì bị lực lượng Công an kiểm tra hành chính, phát hiện B và toàn bộ số ma túy trên, đồng thời lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong thu giữ toàn bộ tang vật. (BL 01 - 08)

Tại Cơ quan điều tra, B khai nhận toàn bộ số ma túy trên B giúp H1 đem xuống Bình Dương để gửi cho khách. Trên cơ sở lời khai của B, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của H1 tại tổ H, thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tại thời điểm kiểm tra, trong nhà có Hậu và bạn gái của H1 tên Nguyễn Thị L, sinh năm: 1997, HKTT: thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Qua khám xét đã phát hiện và niêm phong thu giữ các tang vật (BL 09 – 18), gồm:

Trên giường trong phòng ngủ của Đồng Văn H1 có 01(một) túi nylon có quai xách kích thước đáy 18,6 cm, bên trong có một tờ tiền mệnh giá 5.000 VND; 01(một) túi nylon kích thước (7,5 x 4,2) cm buộc thắt miệng, bên trong chứa tinh thể màu trắng; 01 (một) túi nylon loại miệng khóa miết kích thước (12,5 x 18,5) cm chứa tinh thể màu trắng; 01 (một) túi nylon cùng kích thước (12,5 x 18,5) cm bị cắt góc kích thước (4,5 x 9) cm; Một túi nylon loại miệng khóa miết kích thước (8,5 x 13,5) cm chứa tinh thể màu trắng.

Trong phòng tắm phía sau nhà và trong một túi cối trên hàng rào phía sau nhà:

+ 01(một) thùng nhựa loại thùng sơn đường kính 30 cm, chiều cao 35 cm để sát tường nối cửa vào phòng tắm bên trong có:

+ 01(một) túi nylon màu đen lông 2 lớp, bên trong có: 01 (một) túi nylon loại miệng khóa miết kích thước (29 x 19,6) cm bên trong có một lớp nylon ghi chữ số “500” chứa chất bột màu vàng và nhiều viên nén hình tròn;

+ 01(một) túi nylon kích thước (36 x 25) cm bên trong có 75 gói màu cam-trắng- xanh bên trên bề mặt có chữ Camellia, kích thước (6,2 x 6,2) cm và một túi nylon kích thước (19,6 x 29) cm bên trong chứa nhiều viên nén hình tròn màu vàng có chữ LV; 01 (một) túi nylon bên trong lồng thêm 02 lớp túi nylon cùng kích thước (25 x 36) cm chứa 143 gói nylon cùng kích thước (6,2 x 8,3) cm trên bề mặt có chữ “KEO PINKPAN CANDY” và một túi nylon màu cam - trắng -xanh trên bề mặt có chữ Camellia kích thước (6,2 x 6,2) cm;

+ 01(một) túi nylon kích thước (29x17,5)cm loại khóa miết, bên trong chứa một túi nylon kích thước (27x 18)cm bên trong có một túi nylon kích thước (31,5x9,8)cm chứa tinh thể màu trắng;

+ 01(một) hũ nhựa màu trắng, bên trong có chất bột màu vàng và một túi nylon kích thước (19,5 x 32) cm bên trong có 66 túi ny lông kích thước (6,2 x 8,3) cm trên bề mặt có chữ KEO PINKPAN CANDY;

+ 01(một) hũ nhựa màu trắng bên trong có chất bột màu vàng và một túi nylon kích thước (26,7 x 17,5) cm, bên trong có 35 túi nylon, kích thước (6,2 x 8,3) cm bên trên mặt có chữ KEO PINKPAN CANDY;

- Bên trên thùng nhựa có một túi nylon, bên trong túi nylon có một thùng nhựa có nắp đậy kín đường kính 25cm chiều cao 27cm, bên trong thùng nhựa có:

+ 01(một) túi nylon màu đen kích thước (22,7 x 9,7)cm bên trong chứa các viên nén màu vàng hình dạng không xác định;

+ 01(một) túi nylon (dạng túi trà xanh) kích thước (34,5 x 7,8 x 9,8) cm bên trong có túi nylon kích thước (9,7 x 39,5) cm chứa tinh thể màu trắng;

+ 01(một) túi nylon loại miệng khóa miết bên trong có thêm 2 lớp túi nylon cùng kích thước (19,7 x 32,5) cm bên trong có: 01(một) túi nylon loại miệng khóa miết bên trong chứa các viên nén; 01(một) túi nylon loại khóa miết bên trong có 04 túi nylon: 01 (một) túi có kích thước (19,7 x 32,5)cm chứa 150 viên nén và 14 mảnh viên nén màu vàng; 03 túi cùng kích thước (12,6 x 18,7) cm, trong đó có 02 túi chứa tinh thể màu trắng; 01 (một) túi chứa 31 viên tròn màu xanh và 34 viên màu xanh hình răng cưa.

- Bên trên hàng rào lưới B40 ngăn cách giữa khu vực rửa chén và vườn cao su có một giỏ cói bên trong có một túi nylon kích thước (18 x 12)cm chứa tinh thể màu trắng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị L tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước, thu giữ: 01(một) bìch nylon màu trắng, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. Đồng thời khám xét khẩn cấp chỗ ở của L thuê tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước, thu giữ: 01(một) đoạn thủy tinh có một đầu hình cầu hỏ, bên trong có chất rắn màu nâu - vàng và 01(một) bọc nylon hỏ một đầu, kích thước (07 x 14) cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. (BL 27 – 28; 30 -31).

Tại Cơ quan điều tra, H1 khai nhận: số chất bột, viên nén, các gói có chữ KEO PINKPAN CANDY và C và tinh thể màu trắng là ma túy thuốc lắc, ma túy nước vui và ma túy dạng khay của một người có tên trên T1 là L2 Nguyễn đưa cho H1 cất giữ tại nhà, khi nào có người mua thì Lucifer N2 sẽ gửi thông tin của người nhận, rồi H1 cùng với Nguyễn Hữu B đóng gói ma túy, sau đó H1 đưa cho B mang ma túy xuống khu vực thành phố T, tỉnh Bình Dương để gửi cho người mua thông qua dịch vụ chuyển phát nhanh. Số tinh thể màu trắng bị thu giữ tại phòng ngủ của H1 và thu giữ trong giỏ cói trên hàng rào B40 là ma túy của H1 mua của Lê Thanh S, sinh năm 1990, HKTT: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước cất giấu với mục đích để sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, Đồng Văn H1, Nguyễn Hữu B, Nguyễn Thị L và Bùi Thị Ngọc T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. (BL 833-871; 991 – 947; 978 – 1010; 1059 - 1090)

Đối với Lê Thanh S: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Đồng Văn H1 và Nguyễn Hữu B khai nhận: H1 là sử dụng ma túy loại heroin và biết S có bán ma túy loại heroino nên nhiều lần liên hệ mua ma túy của S để sử dụng, mỗi lần mua từ 800.000 đồng đến 4.000.000 đồng, H1 sử dụng tài khoản số 959736688 tại mang tên Đồng Văn H1 tại Ngân hàng M1 chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng số 0961700735 mang tên Lê Thanh S tại Ngân hàng M1 trả tiền mua ma

túy; sau đó H1 chở theo B, hoặc L đến chỗ ở của S tại căn nhà của Dư Thị V, sinh năm: 1985, HKTT: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước để nhận ma túy trực tiếp từ sang. Lần gần nhất, ngày 15 tháng 6 năm 2024, H1 mua 3.500.000 đồng ma túy loại heroin của S để sử dụng một phần, cho B một phần để sử dụng, số ma túy còn lại H1 cất giấu tại chỗ ở. Đến ngày 20/6/2024, H1 lấy số ma túy trên cho B một ít, B cho ma túy vào trong 02 bom kim tiêm và để trong áo khoác B mặc rồi đi gửi ma túy theo yêu cầu của H1 thì bị công an phát hiện và lập biên bản phạm tội quả tang. Số ma túy còn lại H1 cất giấu trong giỏ còi trên hàng rào B40 tại nhà H1, sau đó lực lượng công an kiểm tra, phát hiện và lập biên bản phạm tội quả tang.

Tiến hành cho bị can Đồng Văn H1 và Nguyễn Thị L xác định hiện trường nơi H1 đến chỗ ở của S để mua ma túy, kết quả H1 và L xác định được nơi H1 gặp S để mua ma túy là căn nhà của Dư Thị V, SN: 1985, HKTT: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nơi Lê Thanh S ở và sống chung như vợ chồng với chị V). Tiến hành cho Đồng Văn H1 nhận dạng người bán ma túy loại heroin, kết quả H1 nhận dạng được và xác định Lê Thanh S là người bán ma túy loại heroin cho H1. (BL 257 – 264A; 1206 - 1211)

Tiến hành làm việc với những người có giao dịch tài khoản ngân hàng với S, trong đó có Nguyễn Văn T4, SN: 1988, HKTT: thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước, Nguyễn Anh T5, sinh năm: 1990, HKTT: thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước khai nhận T4, T5 có mua ma túy của S bằng cách gọi điện thoại cho S qua số 0961700735 rồi chuyển tiền qua tài khoản của S số 0961700735 do Lê Thanh S đứng tên, sau khi chuyển tiền xong thì đến nơi ở của S tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước để nhận ma túy đem về sử dụng. Tiến hành cho T4, T5 nhận dạng người bán ma túy, kết quả T4, T5 nhận dạng được người bán ma túy là Lê Thanh S. (BL 1212 – 1222; 1236 – 1243).

Kết quả điều tra xác định Nguyễn Đình H5, sinh năm: 1983, HKTT: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Viên Đình D1, sinh năm: 1987, HKTT: thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước nhiều lần mua ma túy của S. Tiến hành cho H5 nhận dạng người bán ma túy, kết quả H5 nhận dạng được người bán ma túy cho H5 là Lê Thanh S (BL 1223 -1235). Đối với Viên Đình D1, Cơ quan CSĐT đã làm việc và yêu cầu nhận dạng người bán ma túy tuy nhiên D1 từ chối với lý do mua ma túy của S từ tháng 03/2024 nên không nhớ mặt S nhưng cam kết việc nhiều lần mua ma túy của S là đúng sự thật. (BL 1198 - 1202).

Tại Cơ quan điều tra Lê Thanh S không thừa nhận hành vi phạm tội và khai nhận không sử dụng ma túy, không biết và không có quan hệ với Đồng Văn H1. S chỉ quen biết một người tên H1 là cháu của bà Sinh C1 ở gần nhà S, có nhận tiền từ H1 với mục đích cho H1 vay tiền và cầm cố tài sản nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do H1 thường xuyên ăn trộm gà của S. S không bán ma túy cho Nguyễn Văn T4, Nguyễn Anh T5, Nguyễn Đình H5, Viên Đình D1.

Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ xác định, Lê Thanh S là người sử dụng ma túy loại heroin (tại phiếu xét nghiệm chất ma túy ngày 27/6/2024 của Trạm y tế xã Thuận Lợi, S ký tên xác nhận và ghi có sử dụng ma túy loại heroin trước

ngày bị bắt từ 4 đến 5 ngày), S không đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ và Công an xã T không ghi nhận S bị mất trộm gà và tài sản trong thời gian từ khi chấp hành xong án phạt tù về địa phương đến khi bị bắt. Mặt khác Đồng Văn H1 khai nhận không vay mượn tiền, tài sản hay cầm cố tài sản với S. Việc H1 đi mua ma túy có Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu B chứng kiến và đã xác định được đúng vị trí nơi S giao ma túy cho H1. Quá trình bắt quả tang Nguyễn Hữu B lực lượng Công an thu giữ 02 bơm kim tiêm có chứa ma túy loại heroin có tổng thể tích 0,275 ml, hàm lượng: 0,0190 g/ml có nguồn gốc từ H1 mua của Lê Thanh S vào ngày 14/6/2024. Mặt khác, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Anh T5, Nguyễn Đình H5, Viên Đình D1 khai nhận nhiều lần mua ma túy của S, trả tiền bằng hình thức chuyển khoản, trả tiền mặt và đều nhận dạng được S. Nên có đủ căn cứ xác định Lê Thanh S nhiều lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho H1, T4, T5, H5 và D1.

Quá trình điều tra còn xác định, Đồng Văn H1 sử dụng số điện thoại 0922070347 tạo được 30 đơn hàng trên ứng dụng Giao hàng nhanh (GHN), trong đó 22 đơn hàng giao thành công, 06 đơn hàng bị hủy, 01 đơn hàng hoàn lại thành công, 01 đơn hàng chưa gửi. Đối với ứng dụng J&T Express (Công ty TNHH MTV C2 có địa điểm kinh doanh số 659 Đại lộ B, phường H, Tp ., tỉnh Bình Dương), H1 đã tạo 01 đơn và bị hoàn lại do thông tin số điện thoại người nhận không đúng. Tiến hành thu giữ bưu phẩm trên xác định: bưu phẩm trọng lượng 0,50 kg, có thông tin người gửi “a tùng, 0922070347 di A, Phường H -274TPT05, Thành phố T, Bình Dương”, thông tin người nhận “HÙNG, 0972359137 CHUNG CƯ SIMONA BLOCK A ĐƯỜNG HOÀNG VĂN THỤ, TP QUI NHƠN, NGÔ MÂY CC, Phường N”, có mã đơn 841306628170. Bên ngoài có chữ viết bằng mực đỏ có nội dung “Chung cư S (Block A) đường H, Tp ., N, tỉnh Bình Định, SĐT 0972359137 tên H2”; bên trong có: 01 (một) túi nylon miệng khóa miết, chứa tinh thể màu trắng; 52 (năm mươi hai) viên nén tròn và chất bột màu vàng.

Tại bản Kết luận giám định số 668/KL-KTHS ngày 28/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận: các mẫu vật được niêm phong gửi giám định (bắt quả tang thu giữ của Nguyễn Hữu B) có tổng khối lượng là 863,5544 gam ma túy các loại (*Trong đó*: Heroin, hàm lượng: 0,0190 g/ml, tổng thể tích 0,275ml; MDMA, Methamphetamine, Ketamine và D2 - 9 -tetrahydrocannabinol có khối lượng là: 863,5354 gam). (BL 191 – 192).

Tại kết luận giám định số 670/KL-KTHS ngày 26/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: các mẫu vật được niêm phong gửi giám định (bắt quả tang thu giữ của Đồng Văn H1), có tổng khối lượng là 7.601,1447 gam ma túy các loại (*Trong đó*, Ketamine: 1.307,0781 gam; Methamphetamine: 12,0903 gam; MDMA: 4.155,6321 gam; Methamphetamine và MDMA: 470,2 gam; Methamphetamine, MDMA, Ketamine và D2-9-tetrahydrocannabinol: 1.656,1442 gam). (BL 198 – 199)

Tại kết luận giám định số 669/KL-KTHS ngày 27/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: các mẫu vật được niêm phong gửi giám định (khám xét

khân cấp thu giữ của Nguyễn Thị L), là ma túy loại Methamphetamine có tổng khối lượng là: 14,0823 gam. (BL 203)

Tại bản Kết luận giám định số 750/KL-KTHS ngày 16/7/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận: cấu mẫu vật niêm phong gửi giám định (trong gói bưu phẩm thu giữ tại Công ty TNHH C2 địa chỉ F Đại lộ B, phường H, Tp ., tỉnh Bình Dương) có tổng khối lượng 222,553 gam ma túy các loại (trong đó: Methamphetamine, có khối lượng 199,9747 gam; MDMA, có khối lượng 22,5783 gam). Chất bột màu vàng được niêm phong gửi giám định không tìm thấy các chất ma túy, tiền chất thuộc các danh mục trong nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ; mẫu có khối lượng 186,4116 gam. (BL 213 – 214)

Tại bản Kết luận giám định số 4340/KL-KTHS ngày 25/7/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01(một) khẩu súng bằng kim loại màu đen, bên trên có ghi chữ “Cricket Z-1000” và 01(một) khẩu súng bằng kim loại màu đen, bên trên có ghi chữ “AIRPORCE” thu giữ khi khám xét khân cấp nhà Đồng Văn H1 là súng hơi bắn đạn mũi dù đường kính 5,5 mm, thuộc súng săn, không phải vũ khí quân dụng. (BL 219)

Tại bản Kết luận giám định số 4392/KL-KTHS ngày 30/8/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh về giám định AND trên các vỏ bao gói nylon được tách ra sau giám định chất ma túy khi bắt quả tang Nguyễn Hữu B và Đồng Văn H1, kết luận: Trên tất cả các mẫu vật gửi giám định trên đều có hiện diện AND người. Do lẫn rất nhiều nguồn AND nên không thể giám định truy nguyên cá thể. (BL232)

Tại bản Kết luận giám định số 856/KL-KTHS ngày 28/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B về dữ liệu điện tử đối với thẻ nhớ thu giữ tại chỗ ở của Đ, Lê Thanh S, đĩa DVD tại công ty G hàng nhanh, J&T E, bộ T7 giám sát hành trình gắn trên xe ô tô 93B-005.69, kết luận: Không tìm thấy dữ liệu video phục hồi được trong thời gian từ 01/04/2024 đến 20/6/2024. (BL 243 – 245)

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKS-P1 ngày 27/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố các bị cáo Đồng Văn Hậu, Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Thị L, Bùi Thị Ngọc T2, Lê Thanh S1 phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 4 Điều 250, khoản 2 Điều 249, khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai) quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Đồng Văn H1, phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu B phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, Điều 38, 40, 50, 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đồng Văn H1 Tử hình

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b khoản 1 Điều 53, các Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đồng Văn H1 08 (tám) năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 53, các Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đồng Văn H1 08 (tám) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của ba tội, buộc bị cáo Đồng Văn H1 phải chấp hành hình phạt chung là Tử hình

Căn cứ vào khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Đồng Văn H1 được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, Điều 38, 40, 50, 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B: Tử hình

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B 07 (bảy) năm tù

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Hữu B phải chấp hành hình phạt chung là Tử hình

Căn cứ vào khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Hữu B được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 08 (tám) năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 07 (bảy) năm tù

Áp dụng Điều 55 tổng hợp hình phạt của hai tội: Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chấp hành 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2024.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 35, 38, 50, 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Thanh S 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị Ngọc T2, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/4/2025, bị cáo Lê Thanh S có đơn kháng cáo kêu oan. Tuy nhiên, ngày 05/5/2025, bị cáo Lê Thanh S có đơn thay đổi nội dung kháng cáo thành xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/4/2025, bị cáo Đồng Văn H1, Nguyễn Hữu B và Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Đồng Văn H1, Nguyễn Hữu B, Nguyễn Thị L và Lê Thanh S đều thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là quá nặng; các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo là lao động chính trong gia đình; riêng bị cáo S có người thân có công với cách mạng, bị cáo L có con nhỏ.

Người bào chữa cho bị cáo Đồng Văn H1 là Luật sư Nguyễn Thị B2 và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu B là Luật sư Nguyễn Trọng N1 phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định có lợi của Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2025 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H1 và bị cáo B từ tử hình xuống tù chung thân về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Về hình phạt, đối với bị cáo H1 và bị cáo B, luật sửa đổi, bổ sung bộ luật hình sự năm 2025 đã bỏ hình phạt tử hình đối với tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, nên đề nghị Hội đồng xét

xử áp dụng quy định có lợi nêu trên để giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo này từ tử hình xuống thành tù chung thân về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; đối với các tội danh khác, xét thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là phù hợp, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị giữ nguyên mức hình phạt. Đối với các bị cáo L và S, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng là phù hợp, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng cũng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, S, giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đồng Văn H1, Nguyễn Hữu B, Nguyễn Thị L và Lê Thanh S đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai người làm chứng, biên bản tiếp nhận người phạm tội quả tang, vật chứng của vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[2.1] Từ tháng 5 năm 2024 đến ngày 20/6/2024, bị cáo Đồng Văn H1 đã nhiều lần thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy bằng cách nhận ma túy từ người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng tài khoản Telegram tên “Lucifer N2” rồi đem về chỗ ở cất giấu; mua sắm, trang bị dụng cụ để đóng gói, ngụy trang cho số ma túy gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh; tạo đơn hàng chuyển phát nhanh rồi trực tiếp đi gửi hoặc giao cho Nguyễn Hữu B đi gửi ma túy tại các bưu cục chuyển phát nhanh theo thông tin khách hàng nhận từ “Lucifer Nguyễn” để lấy tiền công. Sau mỗi lần thực hiện thành công “Lucifer N2” trả tiền công cho H1 từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng bằng cách chuyển tiền từ tài khoản số 00002411209 tên Phạm Thanh P tại Ngân hàng T6 đến tài khoản ngân hàng số 959736688 mang tên Đồng Văn H1 tại Ngân hàng M1. Tổng số tiền mà H1 nhận là 172.000.000 đồng.

Ngày 20/6/2024, khi Nguyễn Hữu B đang trên đường đem gói ma túy xuống thành phố T, tỉnh Bình Dương để gửi hàng tại Công ty TNHH G, để Công ty sẽ giao trực tiếp cho khách. Khi đến khu vực trạm xăng thuộc khu phố

B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang B cùng số tang vật là 863,5544 gam ma túy các loại.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đồng Văn H1 tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước thu giữ 7.601,1447 gam ma túy các loại của “Lucifer Nguyễn” đưa cho H1 cất giấu để gửi cho khách theo yêu cầu của Lucifer N2. Quá trình điều tra xác định, H1 còn thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 12,0903 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng. Ngoài ra, ngày 01/6/2024 H1 còn cho bạn gái tên Nguyễn Thị L ma túy loại Methamphetamine để L sử dụng. Ngày 17 và ngày 19/6/2024, H1 còn có hành vi cung cấp bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine cho L và bạn của L tên Bùi Thị Ngọc T2 sử dụng cùng H1. Ngày 20/6/2024, H1 cho Nguyễn Hữu B 0,0190g ma túy loại heroin để sử dụng.

[2.2] Đối với bị cáo Nguyễn Hữu B, bị cáo đã giúp H1 cất giấu số ma túy nhận được từ người đàn ông (sử dụng tài khoản Telegram tên “Lucifer Nguyễn”, đóng gói, nguy trang cho số ma túy gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh và trực tiếp đi gửi ma túy tại các bưu cục chuyển phát nhanh theo yêu cầu của H1. Bị cáo còn có hành vi chế tạo bộ dụng cụ sử dụng ma túy, dùng bật lửa đốt nóng ma túy rồi cầm bộ dụng cụ sử dụng đưa cho Nguyễn Thị L, Bùi Thị Ngọc T2 hút ma túy vào ngày 20/6/2024.

[2.3] Bị cáo Nguyễn Thị L đã thực hiện hành vi cung cấp chất ma túy, địa điểm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng với bị cáo H1, bị cáo T2 vào ngày 17/6/2024, 19/6/2024. Cung cấp chất ma túy, địa điểm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng với Bùi Thị Ngọc T2, Nguyễn Hữu B vào ngày 20/6/2024. Ngoài ra, qua khám xét chỗ ở của bị cáo tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước, còn phát hiện bị cáo có hành vi cất giấu số ma túy có khối lượng 14,0823gam Methamphetamine do bị cáo H1 cho vào ngày 01/6/2024 để sử dụng.

[2.4] Bị cáo Lê Thanh S nhiều lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho cho Đồng Văn H1 và các đối tượng T4, T5, H5 và D1.

[2.5] Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đồng Văn H1 phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 250, điểm g khoản 2 Điều 249 và điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Nguyễn Hữu B phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 250 và điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 và điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Lê Thanh S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[3.1] Đối với bị cáo Đồng Văn H1 và Nguyễn Hữu B.

Trong vụ án này, bị cáo H1, bị cáo B thực hiện hành vi vận chuyển khối lượng ma túy lớn để hưởng lợi, hậu quả là đặc biệt nghiêm trọng; các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy có mối quan hệ mật thiết với nhau và cùng mục đích đưa ma túy vào cơ thể người khác, là nguy hiểm cho xã hội. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo, từ đó tuyên phạt bị cáo H1 tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, 08 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung của ba tội là Tử hình; xử phạt bị cáo B tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và 07 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung của hai tội là Tử hình, là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, ngày 25/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật số: 86/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025). Đối chiếu quy định của điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bởi khoản 18 Điều 1 Luật số: 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025) quy định hình phạt nhẹ hơn điều luật tương ứng của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với cùng hành vi phạm tội của các bị cáo (không quy định hình phạt tử hình) nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 4 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự nêu trên, áp dụng quy định có lợi cho các bị cáo để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo H1 và bị cáo B, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đối với tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng và áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có 01 người con còn nhỏ sinh năm 2021; có bà ngoại là người có công với cách mạng, quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 15 năm tù là có lợi cho bị cáo. Bởi lẽ, bị cáo có tuổi đời còn trẻ nhưng không tu chí làm ăn mà nghiện ngập ma túy và phạm cùng một lúc hai tội nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài mới có tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung. Hơn nữa, bị cáo thực hiện hành vi cung cấp chất ma túy, địa điểm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng với bị cáo H1, bị cáo T2 vào ngày 17/6/2024, 19/6/2024; cùng với Bùi Thị Ngọc T2, Nguyễn Hữu B vào ngày 20/6/2024, thuộc trường hợp phạm tội đối với 02 người trở lên, là tình tiết định

khung tăng nặng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo là thiếu sót.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.3] Đối với bị cáo Lê Thanh S.

Hành vi phạm tội của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến chính sách của nhà nước về đấu tranh phòng ngừa và loại bỏ ma túy ra khỏi cuộc sống xã hội, không những gây mất trật tự trị an, sức khỏe con người, làm lây lan tệ nạn nghiện ngập trong xã hội mà còn gây khó khăn trong việc phòng chống tội phạm về ma túy và các tội phạm, tệ nạn xã hội khác nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bản thân bị cáo có nhân thân rất xấu, đã có nhiều tiền án và trong thời gian chưa được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới, cho thấy thái độ coi thường pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố xét xử bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, gây khó khăn cho hoạt động chứng minh sự thật khách quan vụ án nên cần phải xử lý bị cáo mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 13 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đồng Văn H1, Nguyễn Hữu B; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L và Lê Thanh S; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo H1 và B như đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên các bị cáo không phải chịu, theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Đồng Văn H1 và Nguyễn Hữu B; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L và Lê Thanh S. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2025/HS-ST ngày 24/4/2025 của

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai) về hình phạt đối với các bị cáo Đồng Văn H1 và Nguyễn Hữu B.

Tuyên xử:

[1] Tuyên bố bị cáo Đồng Văn H1, phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu B phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

[2] Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung các năm 2017 và 2025); điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, Điều 38, 39, 50, 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Đồng Văn H1: Tù chung thân.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b khoản 1 Điều 53, các Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đồng Văn H1 08 (tám) năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 53, các Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đồng Văn H1 08 (tám) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của ba tội, buộc bị cáo Đồng Văn H1 phải chấp hành hình phạt chung là Tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[3] Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung các năm 2017 và 2025); điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, Điều 38, 39, 50, 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B: Tù chung thân.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B 07 (bảy) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Hữu B phải chấp hành hình phạt chung là Tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[4] Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 08 (tám) năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 07 (bảy) năm tù

Áp dụng Điều 55 tổng hợp hình phạt của hai tội: Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chấp hành 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[5] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 35, 38, 50, 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Thanh S 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Đồng Văn H1, Nguyễn Hữu B, Nguyễn Thị L và Lê Thanh S không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCTVKSXXPT tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đồng Nai; (5)
- VKSND tỉnh Đồng Nai; (1)
- Công an tỉnh Đồng Nai; (1)
- THA DS tỉnh Đồng Nai; (1)
- TTG số 2 Công an tỉnh Đồng Nai; (1)
- “Để tổng đạt cho bị cáo”; (4)
- Lưu hồ sơ vụ án (1). VP 05, 21b. (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nhựt Bình

